TOÀ ÁNNHÂN DÂN **HUYỆN KRÔNG NÔ** TỈNH ĐẮK NÔNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2019/HNGĐ-ST
Ngày : 02/12/2019
"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NÔ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:*Bà Lê Thị Tím.

*Các Hội thẩm nhân dân:*Ông Nguyễn Quang Châu và ông Phạm Đình Bông.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: bà Nguyễn Thị Nguyệt Bun – Thư ký TAND huyện Krông Nô.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thùy Dung – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 12 năm 2019, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Krông Nô tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 80/2019/TLST-HNGĐ, ngày 02 tháng 7 năm 2019, về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 13 tháng 9 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2019/QĐST – HNGĐ, ngày 30/9/2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2019/QĐST – HNGĐ, ngày 17/10/2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2019/QĐST – HNGĐ, ngày 17/10/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Lê Thúy A, sinh năm 1979. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Nông.

Bị đơn: Anh Đỗ Anh T, sinh năm 1978. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện K, tỉnh Đắk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ly hôn đề ngày 11/6/2019 vàquá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn chị Nguyễn Lê Thúy A trình bày:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Lê Thúy A và anh Đỗ Anh T kết hôn năm 2002 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện K. Sau khi kết hôn trong cuộc sống giữa chị Avà anh T chung sống không hạnh phúc thường nảy sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau, nguyên nhân do bất đồng về quan điểm sống. Chị Avà anh T không còn sống chung từ đầu năm 2016 đến nay, xét mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn nên chị A yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị Nguyễn Lê Thúy A và anh Đỗ Anh T có 03 con chung là Đỗ Nguyễn Trùng D, sinh ngày 09/02/2003, con Đỗ Nguyễn Trường G, sinh ngày 27/3/2006 và con Đỗ Nguyễn Sơn V, sinh ngày 04/11/2014. Chị A có nguyện vọng muốn được nuôi các con chung đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình tố tụng tại Tòa án và tại phiên tòa bị đơn anh Đỗ Anh T trình bày:

Về hôn nhân: Anh T thừa nhận anh và chị A trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện K. Sau khi kết hôn anh T và chị A chung sống hạnh phúc được 10 năm. Đến năm 2013 thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anhT ở tại nhà bố mẹ đẻ của chị A, nhiều lần chị A xúc phạm anh T và gia đình anh thuận nên xảy ra cãi nhau, anh T nhiều lần bỏ nhà đi. Tuy nhiên, anh T không đồng ý ly hôn và muốn đoàn tụ gia đình.

Về con chung: Anh T thừa nhận giữa anh và chị Ai có 03 con chung là Đỗ Nguyễn Trùng D, sinh ngày 09/02/2003, con Đỗ Nguyễn Trường G, sinh ngày 27/3/2006 và con Đỗ Nguyễn Sơn V, sinh ngày 04/11/2014. Trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn thì anh T sẽ tôn trọng ý kiến của các con chung muốn ở với bố hoặc mẹ.

Về tài sản chúng, nợ chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, HĐXX và Người tham gia tố tụng:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và HĐXX:Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án; tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ các trình tự thủ tục quy định; người tham gia tố tụng chị Nguyễn Lê Thúy A chấp hành đúng quy định của pháp luật, anh Đỗ Anh T không chấp hành các quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của bị đơn

Về nội dung vụ án: Sau khi phân tích các tình tiết của vụ án Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, về con chung giao các con chung cho chị A nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết*:* Chị A khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và quyền nuôi con chung khi ly hôn nên quan hệ tranh chấp là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn". Bị đơn là anh Đỗ Anh T có nơi cứ trú tại thôn T, xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Nông. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án

nhân dân huyên Krông Nô theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

2.1. Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Lê Thúy A và anh Đỗ Anh T được pháp luật công nhận, vì có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện K theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân gia đình.

Tại phiên tòa chị Ái giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh T, xét yêu cầu của chị A là có căn cứ để chấp nhận, vì chị A và anh T đều thừa nhận trong cuộc sống giữa chị A và anh T thường xảy ra mâu thuẫn cãi nhau, anh T cũng đã nhiều lần bỏ nhà đi. Điều này cho thấy hôn nhân giữa chị A và anh T không thể hàn gắn được, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó Hội đồng xét xử cần chấp nhận cho chị Nguyễn Lê Thúy A ly hôn anh Đỗ Anh T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

2.2. Về con chung: Chị A và anh T 03 con chung là Đỗ Nguyễn Trùng D, sinh ngày 09/02/2003, con Đỗ Nguyễn Trường G, sinh ngày 27/3/2006 và con Đỗ Nguyễn Sơn V, sinh ngày 04/11/2014. Chị A có nguyện vọng muốn nuôi các con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Sau khi không còn sống chung thì các con chung sống cùng chị A cho đến nay, chị A có thu nhập ổn định có thể đảm bảo đầy đủ quyền lợi về mọi mặt của con.

Về nguyện vọng của con chung Đỗ Nguyễn Trùng D và con Đỗ Nguyễn Trường G đều có nguyện vọng muốn ở cùng mẹ sau khi ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử thấy rằng giao con cho chị A chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành là phù hợp với khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị A không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Sau khi ly hôn chị Nguyễn Lê Thúy A và anh Đỗ Anh T có các quyền, nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung theo quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án gải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

Về án phí : Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Chị Nguyễn Lê Thúy A phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

***Vì các lẽ trên*:**

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 144, khoản 4 Điều 147, Điều 227; Điều 235, Điều 266, Điều 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Lê Thúy A ly hôn anh Đỗ Anh T.

2. Về con chung: Giao con Đỗ Nguyễn Trùng D, sinh ngày 09/02/2003, con Đỗ Nguyễn Trường G sinh ngày 27/3/2006 và con Đỗ Nguyễn Sơn V, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn chị Nguyễn Lê Thúy A ly hôn anh Đỗ Anh T có các quyền, nghĩa vụ sau:

- Quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chưa thành niên theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân gia đình.

- Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con theo quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân gia đình.

- Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con theo quy định tại Điều 83 Luật hôn nhân gia đình.

- Quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân gia đình.

3.Về án phí: Buộc chị Nguyễn Lê Thúy A phải nộp số tiền 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0000879, ngày 01 tháng 7 năm 2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Nô.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết bản án lên Tòa án cấp trên yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận **:**
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Krông Nô (02 bản);
- Chi cục THADS H. Krông Nô;
- UBND xã Nam Đà;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký và đóng dấu)

Lê Thị Tím